

Bản án số: 650/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-07-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thanh Hải
- Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 897/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 211/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thùy T – sinh năm 1967

Địa chỉ: 9/6 đường C, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế Đ – sinh năm 1964

Địa chỉ: 9/6 đường C, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 24/8/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – bà Lê Thùy Trang trình bày: Bà và ông Nguyễn Thế Đ tự nguyện kết hôn với nhau năm 1994 tại UBND Phường M, quận B (Giấy chứng nhận kết hôn số 37; Quyền số 01/1994 do UBND Phường M, quận B cấp ngày 31/5/1994),

bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến năm 2004 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông Đ bộc lộ tính gia trưởng, hung dữ, nóng nảy, bắt nạt vợ con, không chung thủy. Nay mâu thuẫn quá trầm trọng, bà không còn tình cảm, yêu thương ông Đ nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 1 con chung là Nguyễn Lê Yến N – sinh ngày 12/02/1997. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn – ông Nguyễn Thế Đ trình bày: Ông và bà T có kết hôn với nhau, quá trình chung sống bình thường, thỉnh thoảng cũng có cãi nhau, theo ông việc cãi nhau này là hoàn toàn bình thường của những vợ chồng. Ông không đồng ý với ý kiến của bà T về việc có bạo lực trong gia đình, nếu cần thiết thì Tòa án có thể xác minh. Còn việc bà T nói ông ngoại tình thì bà T cũng chưa bắt gặp trực tiếp bao giờ, hiện tại ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu ly hôn phải có mặt cả hai người. Tình cảm vợ chồng bình thường, bà T muốn đi du lịch nước ngoài hay đi đâu ông đều không ngăn cản.

Về con chung: Có 1 con chung là Nguyễn Lê Yến N – sinh ngày 12/02/1997, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Căn nhà 9/6, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của bố mẹ bà T, hiện tại tài sản này do bố mẹ bà T đứng tên sở hữu, bố mẹ bà T đã chết nên giấy tờ nhà hiện do em bà T giữ. Bố mẹ bà T có 4 người con, 4 người thống nhất vợ chồng ông sẽ ở lại căn nhà trên và trả cho 3 người còn lại, mỗi người 50.000 đô la Mỹ. Hiện hàng tháng ông đều trả tiền cho bà Lê Thùy O là em của bà T nên bà T nói vợ chồng ông không có tài sản chung là không chính xác. Nếu phải ly hôn ông cũng muốn phải rõ ràng về phần tài sản.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ do ông Đ cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Đ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 37; Quyền số 01/1994 do UBND Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/5/1994 thì hôn nhân của bà T và ông Đ là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ do quá trình chung sống không hạnh phúc, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, ông Đ không chung thủy. Ông Đ không đồng ý ly hôn do tình cảm vợ chồng bình thường, hôn nhân cãi nhau là chuyện bình thường, việc bà T nói ông bạo lực, ngoại tình không có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân muốn hạnh phúc phải được sự vun đắp, tạo dựng từ hai phía, bà T, ông Đ trình bày mâu thuẫn vợ chồng có khác nhau nhưng mâu thuẫn giữa bà T, ông Đ là có. Bà T xác định không còn tình cảm với ông Đ và kiên quyết yêu cầu được ly hôn, bà T, ông Đ ly thân đã lâu không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, bà T được ly hôn ông Đ.

[5] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 37; Quyền số 01/1997 do UBND Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/02/1997 thì chị Nguyễn Lê Yến N – sinh ngày 12/02/1997 là con chung của bà

T và ông Đ. Chị Nguyễn Lê Yến N đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Trang trình bày giữa bà T và ông Đ không có tài sản chung. Ông Đ cho rằng có tài sản chung.

Ngày 12/01/2023, tại buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Tòa án đã giải thích cho ông Đ về việc khởi kiện tranh chấp tài sản chung và thông báo cho ông Đ trong hạn 30 ngày kể từ ngày 12/01/2023 nếu ông Đ không nộp đơn tranh chấp tài sản chung theo quy định thì Tòa án sẽ không xem xét giải quyết và sẽ giải quyết yêu cầu của bà T theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ không có Đơn khởi kiện tranh chấp tài sản chung nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này ông Đ có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Bà T, ông Đ xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, bà T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cản trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 238; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Lê Thùy T.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thùy T được ly hôn ông Nguyễn Thế Đ.

b. Về quan hệ con chung: Có 1 con chung là Nguyễn Lê Yến N – sinh ngày 12/02/1997. Con chung đã thành niên.

c. Về tài sản chung: Bà Lê Thùy T trình bày không có, nếu sau này ông Nguyễn Thế Đ có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

d. Về nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Lê Thùy T chịu, được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thùy T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0031980 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thùy T, ông Nguyễn Thế Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương